BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY 26/05/2023

25/05/2023	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,064.63	0.27%	1,062.15	0.06%	216.78	0.38%
Tổng KLGD (tr. cp)	**669.66**	**-15.69%**	**151.06**	**-18.32%**	**94.24**	**0.55%**
KLGD khớp lệnh (tr. cp)	**614.25**	**-10.04%**	**137.30**	**-11.76%**	**81.57**	**-10.04%**
TB 20 phiên (tr. cp)	603.71	1.75%	136.81	0.36%	94.07	-13.29%
Tổng GTGD (tỷ VND)	**11,707**	**-15.01%**	**3,937**	**-17.53%**	**1,666**	**10.60%**
GTGD khớp lệnh (tỷ VND)	**10,546**	**-7.17%**	**3,510**	**-7.04%**	**1,512**	**2.01%**
TB 20 phiên (tỷ VND)	9,874	6.81%	3,302	6.32%	1,355	11.59%
		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %
Số mã tăng	172	39%	12	40%	74	33%
Số mã giảm	216	50%	15	50%	88	39%
Số mã đứng giá	48	11%	3	10%	62	28%

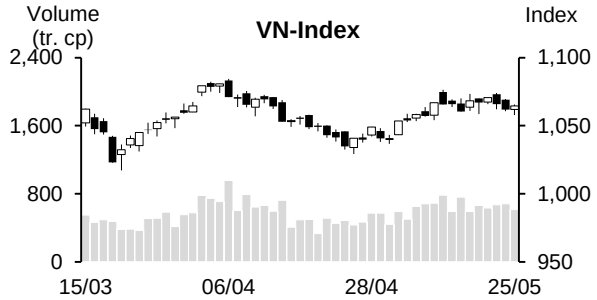

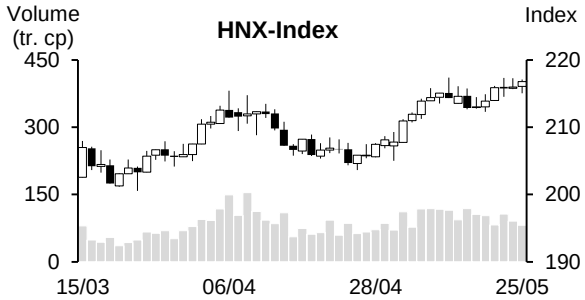

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên tăng nhẹ trở lại với tình trạng "xanh vỏ đỏ lòng" của các chỉ số chính. Chỉ đạo của Chính phủ yêu cầu NHTM tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay dường như là nguyên nhân khiến nhóm cổ phiếu ngân hàng điều chỉnh trong phiên hôm nay. Bên cạnh đó, nhóm chứng khoán, thép, bất động sản cùng nhiều nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ cũng chìm trong sắc đỏ. Mặc dù vậy, không có nhóm ngành nào bị bán tháo đáng kể. Trong khi đó, thị trường được nâng đỡ và lấy lại sắc xanh cuối phiên nhờ sự khởi sắc của các cổ phiếu Bluechips còn lại trong rổ VN30. Ngoài ra, một số nhóm cổ phiếu cũng có nhịp tăng ấn tượng trong phiên hôm nay có thể kể đến như dầu khí, khu công nghiệp, nhựa.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng trở lại. Khối lượng giao dịch có suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn giữ trên mức bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số đang có tín hiệu vận động giằng có quanh đường MA5, cùng với hai đường DI hội tụ, cho thấy xu hướng chính của chỉ số có thể vẫn là Sideway trong biên độ hẹp, với hỗ trợ gần quanh 1.055 điểm (MA20) và kháng cự quanh vùng 1.081 điểm (MA200). Tuy nhiên, chỉ số giữ được đóng cửa trên MA20 hướng lên, cùng với RSI đang nằm trên Midline, cho thấy cơ hội phục hồi của chỉ số vẫn đang hiện hữu. Do đó, chỉ số có thể sớm đi lên thử thách ngưỡng kháng cự MA200 trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index cũng có phiên tăng điểm. Chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với MA5 tạo trạng thái phân kỳ dương so với MA20, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn, và chỉ số đang có cơ hội hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự 225 điểm (MA200). Nhìn chung, thị trường đang có cơ hội duy trì đà phục hồi sau phiên 25/5. Do đó, nhà đầu tư có thể tiếp tục thực hiện các giao dịch lướt sóng nhằm tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn, với mục tiêu ưu tiên là các cổ phiếu có cơ bản tốt, triển vọng kinh doanh 2023 tăng trưởng và đang thu hút được dòng tiền.

Cổ phiếu khuyến nghị: DVN (Mua)

Cổ phiếu quan sát: LHG, TAR

(Xem chi tiết ở trang 2)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DVN	Mua	26/05/23	17.5	17.5	0.0%	19.3	10.3%	16.9	-3.4%	Cổ phiếu đã được tích lũy và có cơ hội phục hồi trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Cắt lỗ	Tín hiệu kỹ thuật
1	LHG	Quan sát mua	26/05/23	26.95	30.5-32.5	25.7	Phiên bật tăng tốt kèm vol tăng trở lại sau nhịp tích lũy vol cạn -> khả năng quay lại xu hướng tăng
2	TAR	Quan sát mua	26/05/23	15.1	19-20	14.2	Phiên bật tăng tốt kèm vol tăng trở lại sau nhịp tích lũy vol cạn -> khả năng quay lại xu hướng tăng

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	EVE	Mua	18/04/23	19.25	14.9	29.2%	20.5	37.6%	13.9	-6.7%	
2	DPR	Mua	24/04/23	56	52.1	7.5%	57.1	9.6%	49.8	-4%	
3	GAS	Mua	09/05/23	94.7	93.1	1.7%	100	7.4%	91.6	-2%	
4	TPB	Mua	10/05/23	23.4	23.55	-0.6%	26	10.4%	22.3	-5%	
5	MBB	Mua	11/05/23	18.45	18.5	-0.3%	20	8.1%	17.9	-3%	
6	HCM	Mua	15/05/23	26	26.05	-0.2%	31.5	21%	24.9	-4%	
7	TCB	Mua	22/05/23	29.8	29.65	0.5%	32.5	10%	28.5	-4%	
8	LAS	Mua	23/05/23	10.2	10.3	-1.0%	13.1	27%	9.6	-7%	

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

TIN TỨC TRONG NGÀY

Tin trong nước

Nghị quyết mới về TP.HCM sẽ "cởi trói" cho các khu công nghiệp

Tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV này, Chính phủ sẽ trình Quốc hội Dự thảo Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54 năm 2017 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM. Một trong những vấn đề rất đáng quan tâm trong dự thảo, là "cởi trói" cho khu công nghiệp, khu chế xuất.

Dự thảo Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54, TP.HCM đưa ra phương án Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM, Ban quản lý Các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM (Hepza) được quyền phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi các Khu.

Theo ông Đào Xuân Đức, Chủ tịch Hiệp hội Các doanh nghiệp khu công nghiệp TP.HCM (HBA), đây là thủ tục đầu tiên khi doanh nghiệp muốn xây dựng hay điều chỉnh dự án ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

Quy định hiện nay, thủ tục này do UBND các quận, huyện, TP.Thủ Đức hoặc Sở Quy hoạch kiến trúc TP.HCM phê duyệt. Sau đó, doanh nghiệp mới làm tiếp thủ tục khác để xin giấy phép xây dựng. Sự rườm rà, "nhiều cửa" khiến doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian.

24 doanh nghiệp đồng ý bán điện tạm tính bằng 50% mức giá trần

Tại hội nghị, đại diện Công ty Mua bán điện thuộc EVN cho biết, đến ngày 24/5, đã có 37/85 dự án năng lượng tái tạo chưa có giá bán gửi hồ sơ để phục vụ đàm phán giá điện và hợp đồng mua bán điện. Với 48 dự án còn lại chưa gửi hồ sơ, Công ty Mua bán điện đã có văn bản đề nghị các chủ đầu tư tiếp tục gửi, cung cấp các hồ sơ tài liệu dự án phục vụ cho công tác đàm phán, thỏa thuận giá điện.

Qua quá trình rà soát hồ sơ, đàm phán và căn cứ Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Thông báo số 182, EVN nhận được đề nghị áp dụng giá tạm của 24 dự án. Hai bên đã họp và thống nhất giá mua điện tạm (chưa bao gồm thuế VAT) bằng 50% giá trần của khung giá phát điện cho từng loại hình nhà máy điện quy định tại Quyết định số 21 của Bộ Công Thương. Giá mua điện chính thức và việc quyết toán tiền điện sẽ thực hiện theo hướng dẫn, quyết định của cấp có thẩm quyền.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Tin doanh nghiệp niêm yết

ĐHĐCĐ GAS: Kế hoạch lợi nhuận giảm phân nửa, phát hành 382 triệu cp

Tại ĐHĐCĐ thường niên 2023 diễn ra vào sáng ngày 25/05/2023, Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas, HOSE: GAS) đặt mục tiêu doanh thu cho năm 2023 chỉ 76.4 ngàn tỷ đồng, thấp hơn 24% so với năm 2022. Mục tiêu lợi nhuận sau thuế còn tụt sâu hơn, chỉ đạt hơn 6.5 ngàn tỷ đồng, giảm gần 57% so với thực hiện năm trước. Các chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở giá dầu đạt 70 USD/thùng, tỷ giá 1 USD/23,500 đồng.

Quý 1/2023 GAS báo doanh thu 21.2 ngàn tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ; lãi sau thuế và lãi ròng đạt lần lượt 3.42 ngàn tỷ đồng và 3.35 ngàn tỷ đồng, tương ứng giảm chỉ 2.3% so với quý 1 năm trước. Xét trên mục tiêu cả năm, Công ty đã thực hiện được gần 28% kế hoạch doanh thu, và tới hơn 52% mục tiêu lợi nhuận sau thuế.

Về kế hoạch phân phối lợi nhuận, ĐHĐCĐ thông qua việc chia cổ tức 2022 bằng tiền mặt, với tỷ lệ 36% . Đối với năm 2023, kế hoạch chia cổ tức 20% bằng tiền mặt cũng được đại hội thông qua.

GAS đã trình và được thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2023 thông qua việc phát hành cổ phiếu. Cụ thể, lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 382.79 triệu cp, tương đương tỷ lệ 20% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành (1.91 tỷ cp), qua đó nâng vốn điều lệ lên gần 23 ngàn tỷ đồng. Đối tượng là các cổ đông hiện hữu, với tỷ lệ thực hiện là 10:2 (20%). Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

ACB chuẩn bị trả cổ tức trong tháng 6, tỷ lệ tới 25%

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) vừa có thông báo về việc thực hiện trả cổ tức năm 2022 bằng tiền và cổ phiếu. Ngày đăng ký cuối cùng là 2/6/2023. Theo đó, ngân hàng sẽ trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%/cổ phiếu. Ngày thanh toán là 12/6/2023. Với hơn 3,37 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, quy mô trả cổ tức tiền mặt đợt này của ACB là hơn 3.377 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, ACB cũng trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15%. Số lượng phát hành dự kiến là hơn 506 triệu cổ phiếu. Sau khi hoàn thành, vốn điều lệ của ACB sẽ tăng từ 33.774 tỷ đồng lên 38.840 tỷ đồng.

Vừa qua, Ngân hàng Nhà nước cũng đã có văn bản chấp thuận cho ACB tăng vốn điều lệ thêm tối đa 5.066 tỷ đồng.

Về kết quả kinh doanh, ACB ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất quý 1/2023 đạt gần 5.157 tỷ đồng, tăng hơn 25% so với quý 1/2022, hoàn thành 26% kế hoạch kinh doanh 2023. Kết thúc quý I/2023, tổng tài sản của ACB đạt 611.224 tỷ đồng, tăng 0,6% so với đầu năm. Cho vay khách hàng đạt 411.289 tỷ, giảm 0,6%. Tỷ lệ nợ xấu khống chế dưới 1%.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, ban lãnh đạo ACB cũng cho biết dự kiến sang năm 2024, ngân hàng tiếp tục duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức là 25%, trong đó 10% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu.

Traphaco sẽ trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 10%

CTCP Traphaco (HOSE: TRA) thông báo chốt quyền trả cổ tức đợt 2/2022 cho cổ đông. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 13/06/2023. Với tỷ lệ thực hiện 10%, hơn 41.4 triệu cp đang lưu hành, ước tính Doanh nghiệp cần chi hơn 41.4 tỷ đồng để hoàn tất đợt trả cổ tức. Ngày thanh toán dự kiến là 29/06/2023.

Trước đó, vào tháng 11/2022, TRA đã trả cổ tức đợt 1/2022 với tỷ lệ 20%. Như vậy, tổng tỷ lệ cổ tức 2022 mà các cổ đông được nhận là 30% - tương ứng tổng chi hơn 124 tỷ đồng. Năm 2022, TRA đạt lãi ròng hơn 269 tỷ đồng.

Quý 1/2023, lợi nhuận ròng giảm 12% so với cùng kỳ, xuống 73 tỷ đồng. Doanh thu tương đương và biên lợi nhuận gộp cải thiện so cùng kỳ nhưng chi phí bán hàng tăng kéo lợi nhuận giảm.

Nguồn: Cafef, Vietstock

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Thống kê giao dịch khớp lệnh

TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
GAS	94,700	2.38%	0.10%
VCB	93,200	0.65%	0.07%
GVR	16,750	4.04%	0.06%
VHM	55,000	0.92%	0.05%
FPT	83,200	2.34%	0.05%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
IDC	41,300	4.56%	0.22%
VCS	54,800	6.41%	0.20%
KSV	27,900	8.56%	0.16%
PVS	30,400	3.05%	0.16%
HUT	17,800	2.89%	0.06%

TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VPB	19,200	-1.03%	-0.03%
STB	27,000	-1.46%	-0.02%
CTG	27,600	-0.54%	-0.02%
MBB	18,450	-0.81%	-0.02%
HPG	21,200	-0.47%	-0.01%

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
CEO	25,400	-1.93%	-0.05%
SHS	11,000	-0.90%	-0.03%
MBS	17,400	-1.14%	-0.03%
THD	39,800	-0.50%	-0.03%
SGC	67,500	-10.00%	-0.02%

TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
STB	27,000	-1.46%	35,283,622
SHB	11,750	-0.84%	31,826,871
VND	15,850	-1.55%	26,768,285
DIG	20,550	-1.44%	21,195,685
VIX	8,750	2.78%	19,230,073

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	11,000	-0.90%	11,540,259
PVS	30,400	3.05%	8,693,452
IDC	41,300	4.56%	7,802,653
CEO	25,400	-1.93%	6,225,072
IDJ	14,400	0.00%	3,561,102

TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
STB	27,000	-1.46%	956.3
DIG	20,550	-1.44%	434.1
VND	15,850	-1.55%	427.0
SHB	11,750	-0.84%	371.2
SSI	22,500	-0.88%	355.0

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
IDC	41,300	4.56%	319.4
PVS	30,400	3.05%	259.1
CEO	25,400	-1.93%	159.2
SHS	11,000	-0.90%	127.1
HUT	17,800	2.89%	62.5

Thống kê giao dịch thỏa thuận

TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN

HOSE

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SJS	5,419,196	220.97
TPB	4,597,300	108.04
MSN	1,296,000	93.05
VPB	2,915,001	56.55
MWG	1,433,100	56.02

HNX

Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SHS	11,300,000	124.38
KSF	221,860	7.92
IDC	155,000	6.12
EVS	600,000	6.03
VCS	100,000	5.20

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	25.55	701.15	44.41	1,098.33	(18.86)	(397.17)
HNX	0.67	20.49	0.51	11.18	0.16	9.30
Tổng 2 sàn	**26.21**	**721.64**	**44.92**	**1,109.51**	**(18.71)**	**(387.87)**

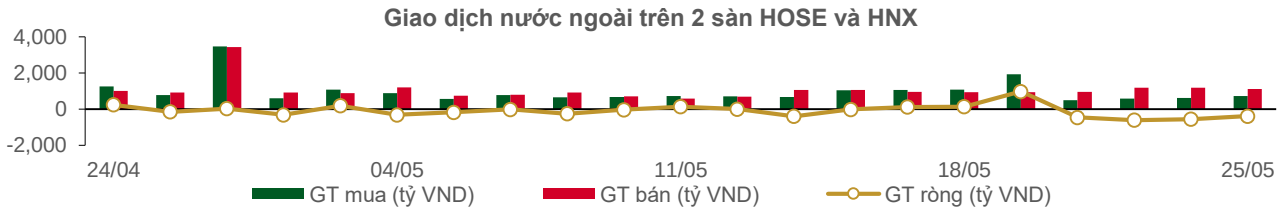

TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
VNM	67,100	925,700	61.94
MWG	38,000	1,433,100	56.02
PNJ	71,200	700,000	50.55
VCB	93,200	424,000	39.26
HPG	21,200	1,705,600	36.31

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
PVS	30,400	329,200	9.83
IDC	41,300	160,000	6.59
DTD	28,200	66,500	1.90
CEO	25,400	21,400	0.55
MBS	17,400	23,000	0.40

TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
HPG	21,200	4,154,800	88.37
FUEVFVND	22,190	3,005,500	66.80
VNM	67,100	981,400	65.68
STB	27,000	2,208,400	59.90
VND	15,850	3,670,500	58.54

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
IDC	41,300	119,310	4.90
IDJ	14,400	86,400	1.24
MBS	17,400	54,900	0.95
BVS	23,100	40,000	0.93
TNG	19,300	30,300	0.59

TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VIC	52,600	426,400	22.38
MSN	72,000	162,200	11.69
BID	43,750	256,500	11.25
VRE	27,700	338,400	9.36
VCB	93,200	75,600	7.16

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
PVS	30,400	314,181	9.39
DTD	28,200	66,500	1.90
IDC	41,300	40,690	1.68
CEO	25,400	16,800	0.43
HVT	59,500	6,200	0.37

TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
HPG	21,200	(2,449,200)	(52.07)
VND	15,850	(2,872,800)	(45.83)
HSG	15,500	(2,359,200)	(36.71)
FUEVFVND	22,190	(1,493,800)	(33.20)
VPB	19,200	(1,710,400)	(32.69)

HNX

Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
IDJ	14,400	(86,400)	(1.24)
BVS	23,100	(40,000)	(0.93)
MBS	17,400	(31,900)	(0.55)
HUT	17,800	(26,400)	(0.46)
TNG	19,300	(19,000)	(0.37)

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội

THỐNG KÊ GIÁ

Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)
E1VFVN30	18,090	-0.2%	1,240,338	22.37
FUEMAV30	12,540	0.3%	12,400	0.15
FUESSV30	13,010	0.1%	1,205	0.02
FUESSV50	16,090	-0.6%	11,409	0.19
FUESSVFL	16,150	-0.6%	4,300	0.07
FUEVFVND	22,190	-0.4%	3,019,700	67.11
FUEVN100	13,540	0.4%	62,760	0.85
FUEIP100	7,420	-0.4%	16,100	0.12
FUEKIV30	6,940	-0.6%	1,229,400	8.52
FUEDCMID	8,500	0.6%	255,500	2.13
FUEKIVFS	9,340	0.1%	148,300	1.39
FUEMAVND	9,270	-1.9%	2,100,100	19.43
FUEFCV50	11,690	19.9%	5,600	0.06
Tổng cộng			**6,001,412**	**102.91**

MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI

Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFVN30	15.72	21.77	(6.05)
FUEMAV30	0.11	0.02	0.08
FUESSV30	0.01	0.01	(0.00)
FUESSV50	0.06	0.00	0.06
FUESSVFL	0.01	0.05	(0.04)
FUEVFVND	33.60	66.80	(33.20)
FUEVN100	0.41	0.70	(0.29)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	8.34	8.35	(0.01)
FUEDCMID	1.68	0.01	1.67
FUEKIVFS	1.15	1.17	(0.02)
FUEMAVND	19.43	19.43	0.00
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
Tổng cộng	**61.09**	**98.88**	**(37.79)**

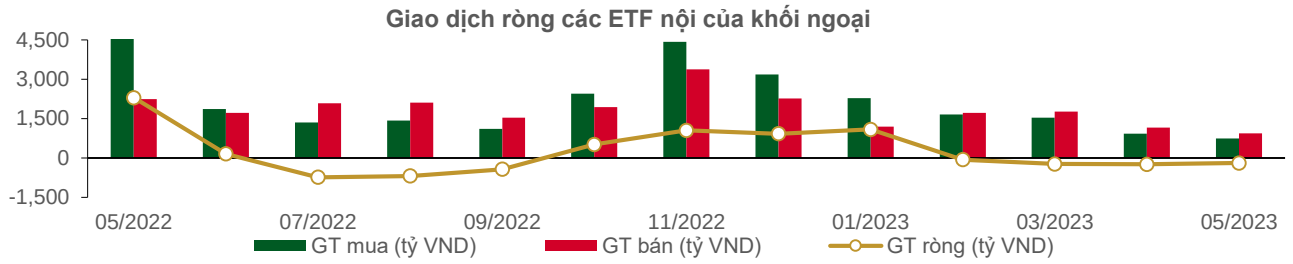

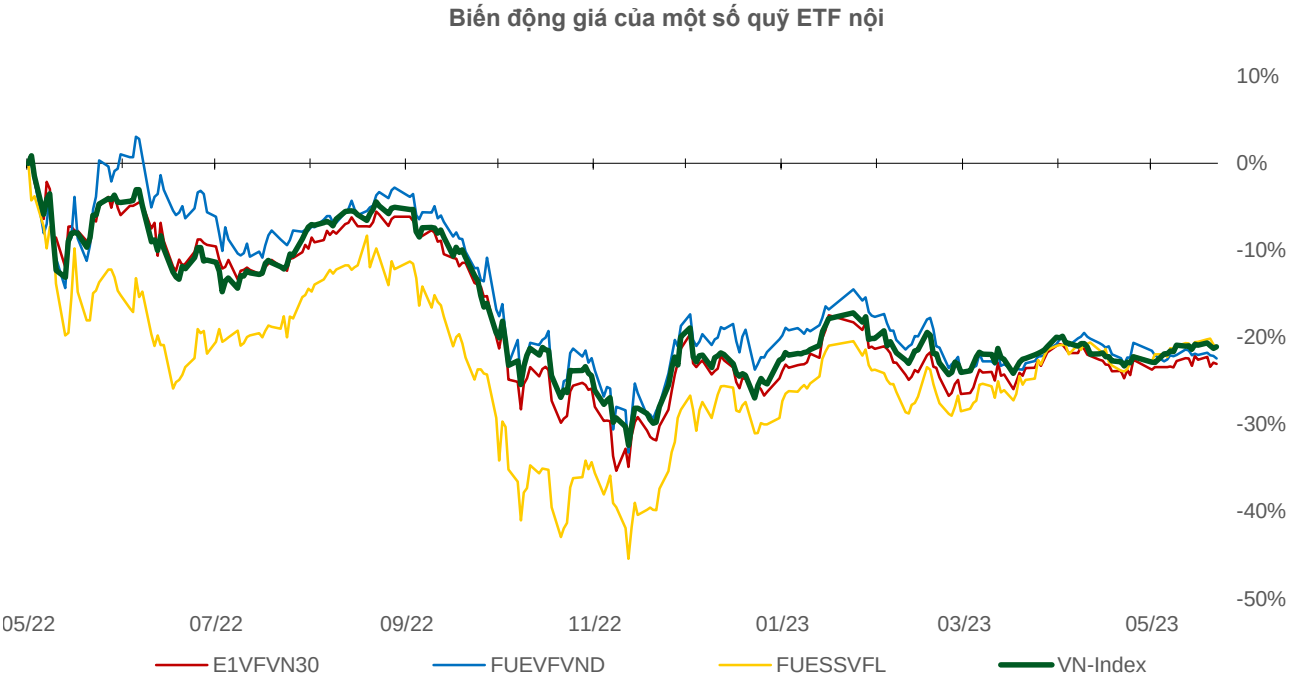

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Thống kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CACB2208	1,250	-6.7%	23,350	103	25,100	1,078	(172)	21,500	4.0	05/09/2023
CACB2301	220	-4.4%	57,260	74	25,100	395	175	27,700	2.0	07/08/2023
CFPT2210	330	17.9%	41,170	98	83,200	342	12	90,000	10.0	31/08/2023
CFPT2212	1,270	7.6%	43,380	12	83,200	1,328	58	70,000	10.0	06/06/2023
CFPT2213	1,330	10.8%	18,280	103	83,200	1,148	(182)	74,500	10.0	05/09/2023
CFPT2214	1,440	9.1%	1,640	160	83,200	1,190	(250)	76,000	10.0	01/11/2023
CFPT2301	1,040	0.0%	0	33	83,200	513	(527)	84,000	6.0	27/06/2023
CFPT2302	990	0.0%	0	83	83,200	476	(514)	85,000	10.0	16/08/2023
CFPT2303	700	14.8%	9,920	168	83,200	687	(13)	86,000	10.0	09/11/2023
CHPG2225	1,520	-7.9%	8,000	12	21,200	1,408	(112)	17,000	3.0	06/06/2023
CHPG2226	1,810	-2.2%	41,700	103	21,200	1,583	(227)	19,500	2.0	05/09/2023
CHPG2227	1,910	-3.1%	18,240	160	21,200	1,594	(316)	20,500	2.0	01/11/2023
CHPG2301	1,650	-5.7%	50	33	21,200	1,316	(334)	19,000	2.0	27/06/2023
CHPG2302	2,320	0.0%	0	125	21,200	1,556	(764)	20,000	2.0	27/09/2023
CHPG2303	1,340	-10.1%	830	53	21,200	681	(659)	23,900	1.0	17/07/2023
CHPG2304	950	-10.4%	620	83	21,200	664	(286)	23,000	2.0	16/08/2023
CHPG2305	580	-7.9%	160	74	21,200	575	(5)	23,200	2.0	07/08/2023
CHPG2306	1,090	2.8%	54,430	168	21,200	1,170	80	20,000	3.0	09/11/2023
CMBB2211	80	-11.1%	23,770	98	18,450	21	(59)	27,000	4.0	31/08/2023
CMBB2213	550	-6.8%	17,770	12	18,450	521	(29)	17,000	3.0	06/06/2023
CMBB2214	1,480	-2.6%	5,270	103	18,450	1,248	(232)	17,000	2.0	05/09/2023
CMBB2215	1,510	-5.0%	1,340	160	18,450	1,185	(325)	18,000	2.0	01/11/2023
CMBB2301	770	-1.3%	170	33	18,450	595	(175)	16,300	4.0	27/06/2023
CMBB2302	640	0.0%	0	33	18,450	283	(357)	19,400	2.0	27/06/2023
CMBB2303	250	-3.9%	7,440	74	18,450	309	59	20,800	2.0	07/08/2023
CMSN2214	10	-50.0%	6,750	12	72,000	0	(10)	100,000	10.0	06/06/2023
CMSN2215	160	6.7%	22,040	103	72,000	67	(93)	102,000	10.0	05/09/2023
CMWG2213	10	-50.0%	2,400	12	38,000	0	(10)	54,000	6.0	06/06/2023
CMWG2214	250	4.2%	52,060	103	38,000	129	(121)	46,500	10.0	05/09/2023
CMWG2215	480	0.0%	4,150	160	38,000	249	(231)	45,000	10.0	01/11/2023
CMWG2301	300	0.0%	0	53	38,000	75	(225)	46,300	7.0	17/07/2023
CMWG2302	310	3.3%	17,450	168	38,000	263	(47)	50,000	6.0	09/11/2023
CPOW2210	680	-13.9%	8,300	12	13,450	713	33	13,000	1.0	06/06/2023
CSTB2224	3,970	-3.2%	15,980	103	27,000	3,816	(154)	20,000	2.0	05/09/2023
CSTB2225	4,060	-4.0%	51,550	160	27,000	3,863	(197)	20,500	2.0	01/11/2023
CSTB2301	1,220	-8.3%	320	53	27,000	839	(381)	26,400	3.0	17/07/2023
CSTB2302	810	1.3%	20,470	74	27,000	1,064	254	28,200	2.0	07/08/2023
CSTB2303	3,510	-1.1%	44,470	168	27,000	3,378	(132)	22,000	2.0	09/11/2023
CTCB2212	90	12.5%	5,220	98	29,800	41	(49)	44,000	4.0	31/08/2023
CTCB2214	960	-2.0%	13,890	12	29,800	982	22	27,000	3.0	06/06/2023
CTCB2215	1,390	-1.4%	2,920	103	29,800	1,192	(198)	26,500	4.0	05/09/2023
CTCB2216	1,490	-2.6%	5,940	160	29,800	1,209	(281)	27,500	4.0	01/11/2023
CTCB2301	1,450	-9.9%	10	83	29,800	838	(612)	30,000	3.0	16/08/2023
CTPB2301	720	-2.7%	3,080	74	23,400	693	(27)	23,430	2.7	07/08/2023
CVHM2216	230	4.6%	116,820	98	55,000	224	(6)	62,000	8.0	31/08/2023
CVHM2218	260	4.0%	20,000	12	55,000	332	72	54,000	6.0	06/06/2023
CVHM2219	1,260	10.5%	15,870	103	55,000	785	(475)	56,000	5.0	05/09/2023
CVHM2220	1,490	7.2%	3,300	160	55,000	850	(640)	58,000	5.0	01/11/2023
CVIB2201	1,960	-8.4%	1,940	103	20,900	1,560	(400)	19,170	1.9	05/09/2023
CVIB2301	210	-4.6%	8,510	74	20,900	321	111	24,270	1.9	07/08/2023
CVNM2211	200	5.3%	35,940	12	67,100	263	63	66,810	5.9	06/06/2023
CVNM2212	270	12.5%	22,150	103	67,100	84	(186)	80,560	7.9	05/09/2023

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2212	180	-10.0%	32,140	98	19,200	122	(58)	24,640	2.7	31/08/2023
CVPB2214	1,000	5.3%	19,520	103	19,200	766	(234)	17,000	4.0	05/09/2023
CVPB2301	740	-5.1%	1,530	125	19,200	434	(306)	19,800	4.0	27/09/2023
CVPB2302	1,660	-8.3%	2,130	83	19,200	960	(700)	18,600	2.0	16/08/2023
CVRE2216	270	-6.9%	47,960	98	27,700	358	88	31,000	4.0	31/08/2023
CVRE2219	90	12.5%	23,660	12	27,700	138	48	29,000	3.0	06/06/2023
CVRE2220	570	1.8%	19,400	103	27,700	452	(118)	30,000	4.0	05/09/2023
CVRE2221	600	-9.1%	13,740	160	27,700	437	(163)	32,500	4.0	01/11/2023
CVRE2301	710	0.0%	0	53	27,700	286	(424)	29,700	4.0	17/07/2023

(*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(**) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2023F (tỷ VND)	PE forward	PB forward
FMC	HOSE	41,000	50,300	22/05/2023	314	10.5	1.4
PVS	HNX	30,400	31,400	17/05/2023	939	16.8	1.2
OCB	HOSE	16,700	24,800	10/05/2023	4,354	7.8	1.1
MBB	HOSE	18,450	27,800	08/05/2023	21,507	5.9	1.3
GEG	HOSE	16,350	18,600	05/05/2023	253	36.0	1.7
HPG	HOSE	21,200	34,500	27/04/2023	7,884	15.5	1.2
IDC	HNX	41,300	46,623	26/04/2023	1,960	6.1	2.0
NT2	HOSE	32,900	33,300	24/04/2023	732	13.5	2.1
FRT	HOSE	62,800	87,300	19/04/2023	169	72.8	5.5
BSR	UPCOM	16,503	16,200	19/04/2023	8,831	5.7	0.9
MWG	HOSE	38,000	49,300	12/04/2023	3,212	20.2	2.5
VIB	HOSE	20,900	31,700	29/03/2023	9,378	7.1	1.6
MPC	UPCOM	17,373	19,600	05/04/2023	668	11.7	1.3
DGW	HOSE	32,850	46,200	28/03/2023	602	12.5	3.1
GAS	HOSE	94,700	114,200	24/03/2023	14,097	15.7	3.3
PLX	HOSE	37,350	48,500	24/03/2023	2,617	29.6	2.4
SBT	HOSE	16,100	16,700	17/03/2023	839	15.7	1.1
MSH	HOSE	32,300	40,000	23/02/2023	325	7.1	1.3
PNJ	HOSE	71,200	82,800	13/02/2023	1,763	N/A	N/A
TPB	HOSE	23,400	34,000	04/01/2023	6,694	8.0	1.4
TCM	HOSE	50,000	55,200	28/12/2022	253	17.9	2.6
VCB	HOSE	93,200	111,681	19/12/2022	32,660	16.5	3.0
BID	HOSE	43,750	53,363	19/12/2022	19,032	14.1	2.2
CTG	HOSE	27,600	43,440	19/12/2022	17,382	12.0	1.7
TCB	HOSE	29,800	49,353	19/12/2022	24,518	7.0	1.2
ACB	HOSE	25,100	35,562	19/12/2022	15,757	7.6	1.4
VPB	HOSE	19,200	29,888	19/12/2022	24,988	8.0	1.6
HDB	HOSE	19,500	24,877	19/12/2022	9,995	5.0	1.0
LPB	HOSE	13,950	23,500	19/12/2022	4,833	8.4	1.4
MSB	HOSE	11,950	18,000	19/12/2022	4,874	7.4	1.1
SHB	HOSE	11,750	22,500	19/12/2022	10,196	6.8	1.2
PVI	HNX	49,400	47,002	19/12/2022	996	13.8	1.3
BMI	HOSE	23,500	25,190	19/12/2022	427	9.0	1.0
BVH	HOSE	44,100	70,900	19/12/2022	2,967	17.7	2.3
ANV	HOSE	31,950	30,100	19/12/2022	320	12.0	1.3
VHC	HOSE	57,000	69,000	19/12/2022	1,510	8.4	1.5
POW	HOSE	13,450	13,800	19/12/2022	2,847	12.7	1.0
VHM	HOSE	55,000	82,000	19/12/2022	35,578	10.0	2.3
NLG	HOSE	31,300	38,400	19/12/2022	1,368	9.7	1.4

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

KDH	HOSE	29,400	36,500	19/12/2022	1,363	18.1	1.9
VRE	HOSE	27,700	40,720	19/12/2022	3,461	26.7	2.7
SZC	HOSE	34,350	42,700	19/12/2022	585	7.5	2.6
GVR	HOSE	16,750	29,755	19/12/2022	5,521	27.8	2.1
LHG	HOSE	26,950	42,250	19/12/2022	653	3.5	1.2
VNM	HOSE	67,100	84,300	19/12/2022	10,876	18.2	4.9
SAB	HOSE	158,000	175,400	19/12/2022	5,559	19.2	4.5
PVT	HOSE	21,050	26,900	19/12/2022	831	14.1	1.2
TRA	HOSE	88,100	117,400	19/12/2022	349	13.9	2.8
DHG	HOSE	114,100	106,300	19/12/2022	981	14.2	3.0
IMP	HOSE	53,400	60,400	19/12/2022	306	13.2	1.9
STK	HOSE	27,250	45,800	19/12/2022	239	13.5	1.8

Nguồn: PHS * Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%
Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%
Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%
Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết
Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).
Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479 Fax: (84-28) 5 413 5472
Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng
Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5478
Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3
Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM.
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội
Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3 933 4566
Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912